

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2022/DS-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 303/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: Tầng 1- tầng 2, Tòa nhà S Tower, số A đường P, phường B, Quận X, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà P - Số M đường U, Phường Z, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M; địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà P - Số M đường U, Phường Z, Quận B, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền lập ngày 08/7/2022) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn A, sinh năm X

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm Y

Cùng địa chỉ: Số V đường Q, Phường K, Quận G, Thành phố H.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là ABC) và ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q có ký kết 01 hợp đồng tín dụng và 01 Hợp đồng thế tín dụng, cụ thể:

1/ Hợp đồng tín dụng số 0345.HĐTD1. VIB625.18 ngày 28/6/2018 với các điều khoản sau: ABC cho ông A , bà Q vay số tiền 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích vay là mua xe ô tô; thời hạn vay 72 tháng; lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,99%/năm) áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, sau đó sẽ được điều chỉnh ba tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ABC cộng thêm biên độ 4,29%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; định kỳ trả gốc, lãi hàng tháng vào ngày 27 (mỗi tháng trả 6.430.000 đồng, tháng cuối cùng trả 6.310.000 đồng), bắt đầu kỳ trả nợ 27/8/2017.

Thực hiện hợp đồng phía ABC đã giải ngân số tiền 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng) cho ông A, bà Q và ông A, bà Q đã thanh toán được tiền gốc là 173.242.000 đồng và tiền lãi là 90.537.167 đồng. Do ông A, bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 29/3/2021 ABC đã chuyển toàn bộ số tiền vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/7/2022 ông A, bà Q còn nợ ABC số tiền nợ gốc: 206.758.000 đồng; nợ lãi: 52.128.976 đồng, tổng cộng 258.886.976 đồng.

2/ Hợp đồng thế tín dụng ngày 22/7/2019 (đơn đề nghị phát hành thế tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản). Theo đó, ABC đã phát hành thế tín dụng và cấp hạn mức tín dụng cho ông Đoàn Văn A sử dụng là 30.000.000 đồng. Tính đến ngày 11/7/2022 ông A còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc thế tín dụng 29.474.769 đồng, nợ lãi, phí thế tín dụng là 49.555.187 đồng, tổng cộng: 79.029.956 đồng.

Tổng cộng 2 Hợp đồng là 337.916.932 đồng, ABC yêu cầu ông A, bà Q phải trả số nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông A , bà Q phải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 12/8/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông A, bà Q có thể chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển kiểm soát: 51G-EEEEEE, số khung: RLLJFxxxEHHxxxxxx, số máy: FssDssssssssss cho ngân hàng. Thực tế Ngân hàng chỉ giữ bản chính đăng ký xe ô tô; còn xe vẫn giao cho ông A , bà Q quản lý, sử dụng. Tuy nhiên trong vụ kiện này, Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A, bà Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ; không yêu cầu giải quyết, xử lý tài sản thế chấp.

* **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A, bà Q không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông A, bà Q về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn là ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là ABC) khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q trả khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ABC, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Căn cứ quy định tại các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông A, bà Q.

[3] Về phạm vi khởi kiện của nguyên đơn:

Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thế chấp tài sản. Căn cứ quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 28/6/2018:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0345.HĐTD1. VIB625.18 ngày 28/6/2018 được ký kết giữa ABC với ông A, bà Q đã có cơ sở để xác định giữa ABC với ông A, bà Q có xác lập giao dịch tín dụng như phía ABC trình bày.

Xét tại thời điểm giao kết, nội dung thỏa thuận của các bên theo hợp đồng nêu trên về khoản tiền vay, mức lãi suất phù hợp với quy định tại các Điều 463 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thỏa thuận lãi suất, phí phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 là “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Ông A, bà Q không đến Tòa án, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông A, bà Q đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do ABC cung cấp.

Theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã được ký kết ông A, bà Q phải thanh toán cho Ngân hàng theo định kỳ một tháng/lần vào ngày 29 hàng tháng, mỗi tháng phải trả 5.277.000 đồng, tháng cuối cùng phải trả 5.333.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 29/7/2018.

Thực hiện hợp đồng tính đến ngày 29/3/2021 ông A, bà Q đã thanh toán cho ABC nợ gốc 173.242.000 đồng và nợ lãi 90.537.167 đồng, tổng cộng 263.779.167 đồng rồi ngưng đến nay không thanh toán. Như vậy ông A, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông A, bà Q thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 23/9/2022 là 267.117.587 đồng, trong đó nợ gốc là 206.758.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 60.359.587 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận, buộc ông

A, bà Q phải thanh toán số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Hợp đồng thẻ tín dụng 22/7/2019:

Căn cứ đơn đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/7/2019 có cơ sở để xác định giữa ABC và ông A có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho ông A với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất được áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định tại từng thời kỳ. Việc xác lập giao dịch tín dụng và lãi suất giữa ABC và ông A là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 97 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận tại Điều 7 của đơn đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/7/2019 ông A cam kết chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Hợp đồng tài khoản này và các quy định liên quan của ABC. Căn cứ bản sao kê giao dịch thẻ tín dụng của ông A, số tiền nợ thẻ tín dụng của ông A còn nợ ABC 93.321.637 đồng. Do đó ABC khởi kiện yêu cầu ông A phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2022 là 93.321.637 đồng, trong đó gốc 29.474.769 đồng, nợ lãi, phí thẻ tín dụng là 63.846.868 đồng là có cơ sở chấp nhận nên buộc ông A phải thanh toán số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với yêu cầu buộc bà Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số N, quyển số Q, do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận L, Thành phố H cấp ngày X/Y/Z có cơ sở để xác định bà Nguyễn Thị Q là vợ ông Đoàn Văn A.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Q mặc dù không ký tên trong đơn đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/7/2019 giữa ông A và ABC, tuy nhiên đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân giữa ông A và bà Q. Do đó ABC yêu cầu bà Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ABC buộc ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho ABC toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 23/9/2022 như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng (mua xe ô tô tiêu dùng) số 0345.HĐTD1. VIB625.18 ngày 28/6/2018: Nợ gốc là 206.758.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.303.675, nợ lãi quá hạn: 58.055.912 đồng, tổng cộng là 267.117.587 đồng.

2/ Hợp đồng thẻ tín dụng 22/7/2019: Nợ gốc là 29.474.769 đồng, nợ lãi, phí thẻ tín dụng là 63.846.868 đồng, tổng cộng là 93.321.637 đồng.

Tổng cộng là 360.439.224 đồng trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày 24/9/2022 ông A, bà Q còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông A, bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên ghi nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông A, bà Q phải chịu án phí là 18.021.961 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (ABC) là 6.227.257đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048279 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 97 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (ABC) số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2022 cụ thể:

1/ Hợp đồng tín dụng (mua xe ô tô tiêu dùng) số 0345.HĐTD1. VIB625.18 ngày 28/6/2018: Nợ gốc là 206.758.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.303.675 đồng, nợ lãi quá hạn: 58.055.912 đồng, tổng cộng là 267.117.587 đồng.

2/ Hợp đồng thẻ tín dụng 22/7/2019: Nợ gốc là 29.474.769 đồng, nợ lãi, phí thẻ tín dụng là 63.846.868 đồng, tổng cộng là 93.321.637 đồng.

Tổng cộng là 360.439.224 (Ba trăm sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng) trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 24/9/2022 ông A, bà Q còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông A, bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Văn A, bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm là 18.021.961đ (Mười tám triệu không trăm hai mươi một ngàn chín trăm sáu mươi một đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q(ABC) là 6.227.257đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048279 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ